TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST Ngày: 31-7-2025 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu
Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ninh Thị U, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn Q, phường T, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Q, phường T, tỉnh Ninh Bình.

Chị U có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2025, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Ninh Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn năm 2010, có thực hiện việc đăng ký tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình vào năm 2010. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại thôn Q, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là Thôn Q, phường T, tỉnh Ninh Bình). Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do kinh tế khó khăn và càng ngày chị càng thấy không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, hiện tại anh

chị đã ly thân, chị xét thấy không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng với anh C, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị xác định chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/4/2010, cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 19/01/2015. Hiện cả hai cháu đang ở với chị, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức C: Mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên anh C không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của anh với yêu cầu khởi kiện của chị U.

Ý kiến của cháu B và cháu V: các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình) đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh C không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị U vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Nguyễn Đức C, về con chung: chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/4/2010, cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 19/01/2015, hiện cả hai cháu đang ở với chị, chị U không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện Nho Quan (nay là Tòa án Khu vực 3 – Ninh Bình) thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH - 14 ngày 30/12/2016 của U1 quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị Ninh Thị U và anh Nguyễn Đức C.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/4/2010, cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 19/01/2015 cho chị Ninh Thị U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ninh Thị U.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn chị Ninh Thị U phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trước ngày 30/6/2025 bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình) thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Ninh Thị U và anh Nguyễn Đức C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị U với anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị U và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/4/2010, cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 19/01/2015, hiện cả hai cháu đang ở với chị U. Chị U có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị U khỏe mạnh có thu nhập, các con của chị cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Gia đình anh C cũng xác nhận hiện nay anh C chưa đủ điều kiện về thời gian để trực tiếp nuôi các cháu. Vì vậy việc giao cháu B và cháu V cho chị U tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích cho các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị U không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí:ly hôn sơ thẩm: Chị Ninh Thị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ninh Thị U ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 09/4/2010, Nguyễn Hoàng V sinh ngày 19/01/2015, hiện đang ở với chị U cho chị U tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Hoàng V đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ninh Thi U.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ninh Thị U phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001101 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- TAND tỉnh Ninh Bình;* *- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;* *- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;* *- UBND phường Tây Hoa Lư* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** **Đã ký** Nguyễn Thị Hương Quỳnh